

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK MIL  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2025/DS-ST

Ngày: 11/02/2025

*“V/v không công nhận là vợ  
chồng”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh, bà Hoàng Thị Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024 về việc không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXX-ST ngày 15 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Bùi Văn H, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn, bà Hoàng Thị T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Bà và ông Bùi Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 mà không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống bà và ông H có 02 con chung tên Bùi Hoàng H1, sinh năm 1994 (đã chết) và Bùi Hoàng K, sinh ngày 12/12/2012. Quá trình chung sống hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ lâu, nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bắt đầu quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cuộc sống chung của hai bên không còn hạnh phúc.*

Vì mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, cuộc sống chung không đạt được mục đích, do đó bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Bùi Văn H là vợ chồng; Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Bùi Hoàng K và không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

- Theo lời khai của ông Bùi Văn H trong quá trình giải quyết vụ án: Ông và bà Thủy C sống như vợ chồng từ năm 1994 mà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, trong thời gian chung sống hai bên không có tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, do đó ông đồng ý với các nội dung của bà T đã trình bày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Hoàng Thị T và ông Bùi Văn H là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung Bùi Hoàng K, sinh ngày 12/12/2012 cho bà Hoàng Thị T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu, nên không đặt ra để giải quyết.

4. Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu, nên không đặt ra để giải quyết.

5. Về án phí: Bà Hoàng Thị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn ông Bùi Văn H có địa chỉ tại thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, do đó việc Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Hoàng Thị T, ông Bùi Văn H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà T, ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Hoàng Thị T, ông Bùi Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 cho đến nay mà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn trong lối sống, cách suy nghĩ, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, thời gian chung

sống bà T, ông H có 02 con chung tên Bùi Hoàng H1, sinh năm 1994 (đã chết) và Bùi Hoàng K, sinh ngày 12/12/2012;

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

4.1. Về hôn nhân: Bà Hoàng Thị T, ông Bùi Văn H đều thừa nhận có chung sống với nhau như vợ, chồng từ năm 1994 cho đến nay mà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình, mặc dù các bên có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn, nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký, nên theo quy định tại Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng và không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng hợp pháp. Do đó việc bà Hoàng Thị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà T và ông H là vợ, chồng hợp pháp là phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp.

4.2 Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà T có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Bùi Hoàng K, ông H cũng đồng ý giao con chung cho bà T được quyền nuôi dưỡng, quá trình giải quyết vụ án cháu K cũng có nguyện vọng được ở với bà T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung Bùi Hoàng K, sinh ngày 12/12/2012 cho bà Hoàng Thị T được quyền nuôi dưỡng và chăm sóc là phù hợp với quy định của pháp luật.

4.3 Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu, nên không đặt ra để giải quyết.

4.4 Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu, nên không đặt ra để giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Hoàng Thị T và ông Bùi Văn H là quan hệ vợ, chồng.

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Hoàng K, sinh ngày 12/12/2012 cho bà Hoàng Thị T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu, nên không đặt ra để giải quyết.

Trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, người không trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên không đặt ra để giải quyết.

5. Về án phí: Bà Hoàng Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006195 ngày 17 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện ĐắkMil;
- Chi cục THA dân sự huyện ĐắkMil;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thế Thắng**

